

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa
và dịch vụ tại khu vực biên giới và khu kinh tế cửa khẩu
giữa Việt Nam và Trung Quốc**

Quyết định số 689/2004/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 6 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ tại khu vực biên giới và khu kinh tế cửa khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2004, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 25/2011/TT-NHNN ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Hiệp định về mua bán hàng hóa ở vùng biên giới ký ngày 19/10/1998 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa;

Căn cứ Hiệp định thanh toán và hợp tác ký ngày 16 tháng 10 năm 2003 giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc;

Căn cứ vào Quyết định số 252/2003/QĐ-TTg ngày 24/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý buôn bán hàng hóa qua biên giới với các nước có chung biên giới;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 290/VPCP-KTTH ngày 16/01/2003 của Văn Phòng Chính phủ về việc thu tiền của nước có chung biên giới;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối¹,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ tại khu vực biên giới và khu kinh tế cửa khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc".

Điều 2.² Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo. Thông tư số 06/TT-NH8 ngày 18/3/1994 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn Hiệp định thanh toán và Hợp tác Việt - Trung ngày 26/5/1993 giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Nhân dân Trung Hoa hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các Ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

¹ Thông tư số 25/2011/TT-NHNN về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa 258 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, ngành,

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định tại các văn bản do Ngân hàng Nhà nước ban hành để thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực ngoại hối như sau:"

² Điều 14 và Điều 15 của Thông tư số 25/2011/TT-NHNN về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011 quy định như sau:

"Điều 14. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

QUY CHẾ
THANH TOÁN TRONG MUA BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HÓA
VÀ DỊCH VỤ TẠI KHU VỰC BIÊN GIỚI VÀ KHU KINH TẾ CỬA KHẨU
VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 689/2004/QĐ-NHNN
ngày 07/6/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này điều chỉnh các hoạt động sau:

a) Thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ qua biên giới giữa thương nhân Việt Nam và thương nhân Trung Quốc theo quy định tại Hiệp định về mua bán hàng hóa ở vùng biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi là thanh toán xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung);

b) Thanh toán trong bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ thu Nhân dân tệ (CNY) tiền mặt của các doanh nghiệp Việt Nam tại Khu vực biên giới và Khu Kinh tế cửa khẩu thuộc các tỉnh biên giới giáp Trung Quốc;

c) Mở, sử dụng tài khoản CNY của thương nhân Việt Nam và mở, sử dụng tài khoản đồng Việt Nam (VND) của thương nhân Trung Quốc tại Ngân hàng được phép của Việt Nam ở khu vực biên giới;

d) Thành lập và hoạt động của bàn đại lý đổi CNY.

2. Thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới và thanh toán trong mua bán hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu được thực hiện bằng VND và CNY theo các phương thức do hai bên mua bán thỏa thuận phù hợp với quy định về quản lý tiền của nước có chung biên giới. Việc mang VND và CNY qua cửa khẩu biên giới phải tuân theo quy định hiện hành về mang ngoại tệ tiền mặt và đồng Việt Nam bằng tiền mặt khi xuất nhập cảnh.

3. Thanh toán trong xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ giữa thương nhân Việt Nam và thương nhân Trung Quốc không thuộc đối tượng nêu tại điểm a khoản 1 Điều này được áp dụng các hình thức thanh toán qua Ngân hàng bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi theo thông lệ quốc tế hoặc theo các hình thức khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép và không chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Thương nhân Việt Nam, gồm:

a) Các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Các hộ kinh doanh được phép xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung theo quy định của pháp luật.

2. Các Ngân hàng thương mại Việt Nam;

3. Thương nhân Trung Quốc (bao gồm tổ chức và cá nhân) có quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ tại khu vực biên giới và Khu kinh tế cửa khẩu với thương nhân Việt Nam.

Điều 3. Mở và sử dụng tài khoản

1. Thương nhân Việt Nam có hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung hoặc được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép bán hàng và cung ứng dịch vụ thu CNY tiền mặt được mở tài khoản CNY tại các Ngân hàng được phép của Việt Nam có thực hiện thanh toán xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung bằng VND và CNY theo các quy định sau:

a) Hồ sơ, thủ tục mở tài khoản thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng nơi mở tài khoản phù hợp với quy định hiện hành;

b) Tài khoản CNY được sử dụng như sau:

Phần thu:

- Thu từ xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ;
- Thu nộp CNY tiền mặt từ bán hàng và cung ứng dịch vụ thu CNY theo quy định tại Điều 10 Quy chế này;
- Thu từ mua CNY tại các ngân hàng được phép;
- Các khoản thu khác được pháp luật cho phép.

Phần chi:

- Chi thanh toán nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ;
- Chi bán CNY cho Ngân hàng hoặc bàn đổi CNY;
- Rút tiền mặt để chi lương, thưởng, phụ cấp cho người nước ngoài làm việc cho tổ chức hoặc chi cho cá nhân được cử đi công tác, học tập ở nước ngoài và chi cho các mục đích được pháp luật cho phép.

2. Thương nhân Trung Quốc có hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung được mở tài khoản VND tại các Ngân hàng được phép của Việt Nam có thực hiện thanh toán xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung bằng VND và CNY. Việc mở và sử dụng tài khoản VND của thương nhân Trung Quốc thực hiện theo các quy định sau:

a) Hồ sơ, thủ tục mở tài khoản thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng nơi mở tài khoản phù hợp với quy định hiện hành;

b) Tài khoản VND được sử dụng như sau:

Phần thu:

- Thu từ bán hàng hóa và dịch vụ;
- Thu từ bán CNY hoặc ngoại tệ tự do chuyên đổi cho Ngân hàng;
- Các khoản thu khác được pháp luật Việt Nam cho phép.

Phần chi:

- Chi thanh toán hàng hóa và dịch vụ;
- Chi mua CNY để chuyển về nước;
- Chi rút tiền mặt để chi tiêu tại Việt Nam.

3. Thương nhân Việt Nam mở tài khoản CNY, tài khoản ngoại tệ tự do chuyên đổi tại các Ngân hàng thương mại của Trung Quốc phải phù hợp với quy định hiện hành về quản lý ngoại hối. Nghiêm cấm thương nhân Việt Nam mở tài khoản tại các Ngân hàng thương mại của Trung Quốc khi chưa được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Điều 4. Các hình thức thanh toán xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung

1. Ngân hàng Nhà nước khuyến khích thương nhân hai nước thực hiện thanh toán xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung qua ngân hàng theo các hình thức sau:

a) Thanh toán thông qua các Ngân hàng được phép của hai nước bằng ngoại tệ tự do chuyên đổi, theo thông lệ quốc tế (bao gồm các Ngân hàng đặt trụ sở ở trong hoặc ngoài tinh có biên giới giáp Trung Quốc);

b) Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyên đổi hoặc VND thông qua tài khoản của thương nhân Trung Quốc mở tại các Ngân hàng được phép ở Việt Nam phù hợp với các quy định tại Điều 3 Quy chế này;

c) Thanh toán bằng VND và CNY thông qua các Ngân hàng được phép có thực hiện thanh toán xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung bằng VND và CNY;

d) Thanh toán theo phương thức hàng đổi hàng (phần chênh lệch được thanh toán qua ngân hàng).

2. Việc thanh toán bằng tiền mặt (ngoại tệ tự do chuyên đổi, CNY hoặc VND) thực hiện theo hướng dẫn riêng của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 5. Đồng tiền thanh toán

Đồng tiền thanh toán trong xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung là ngoại tệ tự do chuyên đổi hoặc VND hoặc CNY. Thương nhân hai nước được lựa chọn đồng tiền thanh toán phù hợp với các quy định trong Quy chế này và các quy định khác của pháp luật.

Chương II

THANH TOÁN TRONG XUẤT NHẬP KHẨU QUA BIÊN GIỚI VIỆT - TRUNG

Điều 6. Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi qua Ngân hàng theo thông lệ quốc tế

Khi sử dụng ngoại tệ tự do chuyển đổi làm đồng tiền thanh toán trong hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung, thương nhân Việt Nam và thương nhân Trung Quốc được lựa chọn các Ngân hàng có trụ sở ở trong hoặc ngoài tỉnh biên giới thực hiện thanh toán theo thông lệ quốc tế phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối của mỗi nước.

Điều 7. Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc VND thông qua tài khoản của thương nhân Trung Quốc mở tại các Ngân hàng ở Việt Nam

Thương nhân Trung Quốc có tài khoản ngoại tệ tự do chuyển đổi và tài khoản VND tại các Ngân hàng được phép ở Việt Nam theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác của pháp luật được sử dụng các tài khoản này để thanh toán xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung.

Điều 8. Thanh toán bằng VND và CNY qua Ngân hàng được phép của hai nước tại Khu vực biên giới

1. Việc sử dụng VND và CNY trong thanh toán xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung được thực hiện theo các quy định sau đây:

a) Ngân hàng được phép của Việt Nam tại tỉnh biên giới được thỏa thuận với Ngân hàng của Trung Quốc về việc mở tài khoản VND hoặc tài khoản CNY cho nhau để phục vụ thanh toán cho thương nhân hai nước;

b) Ngân hàng được phép của hai bên được thỏa thuận về công nghệ và phương thức thanh toán, phương thức quản lý tài khoản, số dư tối đa trên tài khoản không trái với quy định pháp luật của mỗi nước. Trường hợp số dư trên tài khoản vượt quá số dư tối đa thì các Ngân hàng của hai bên có thể thỏa thuận chuyển đổi thành ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc tiền của mỗi bên để chuyển về nước;

c) Tỷ giá giữa VND và CNY do Tổng Giám đốc, Giám đốc các Ngân hàng được phép (hoặc người được ủy quyền hợp pháp) quyết định;

d) Các Ngân hàng được phép của Việt Nam có thực hiện thanh toán xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung bằng VND và CNY được xuất, nhập khẩu CNY và VND tiền mặt để phục vụ hoạt động kinh doanh, không phải xin phép Ngân hàng Nhà nước nhưng phải làm thủ tục khai báo Hải quan cửa khẩu khi xuất, nhập khẩu tiền mặt.

2. Việc kiểm tra hồ sơ chứng từ thanh toán theo thỏa thuận giữa Ngân hàng hai bên phù hợp với quy định hiện hành về quản lý ngoại hối. Đối với trường hợp

thanh toán xuất nhập khẩu qua biên giới không ký kết hợp đồng mua bán, thương nhân phải xuất trình tờ khai hải quan và các giấy tờ liên quan chứng minh hàng hóa đã được thực xuất, thực nhập.

Điều 9. Thanh toán theo phương thức hàng đổi hàng

Thương nhân Việt Nam xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung được thỏa thuận thanh toán dưới hình thức hàng đổi hàng theo các quy định sau:

1. Hàng hóa mua bán, trao đổi phải phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật mỗi nước về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
2. Đồng tiền sử dụng để thanh toán chênh lệch trong giao dịch hàng đổi hàng là ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc VND hoặc CNY.
3. Phần chênh lệch trong giao dịch hàng đổi hàng được thanh toán theo các phương thức nêu trên. Chứng từ thanh toán phần chênh lệch áp dụng như đối với thanh toán xuất khẩu, nhập khẩu, phù hợp với từng hình thức thanh toán.

Chương III QUY ĐỊNH VỀ BÁN HÀNG THU CNY VÀ THÀNH LẬP BÀN ĐẠI LÝ ĐỔI CNY

Điều 10. Bán hàng và cung ứng dịch vụ thu CNY tiền mặt

1. Doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bán hàng miễn thuế hoặc cung ứng dịch vụ dành riêng cho người nước ngoài tại Khu vực biên giới và Khu kinh tế cửa khẩu (bao gồm cả các doanh nghiệp trên địa bàn khác mở cửa hàng miễn thuế hoặc cung ứng dịch vụ dành riêng cho người nước ngoài trong các khu vực trên) được Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp giấy phép thu CNY tiền mặt.

2.³ Hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép thu CNY tiền mặt:

a) Các doanh nghiệp nêu tại Khoản 1 Điều này có nhu cầu thu Nhân dân tệ tiền mặt lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi doanh nghiệp đặt trụ sở để được cấp giấy phép thu Nhân dân tệ tiền mặt. Hồ sơ gồm:

- Đơn xin cấp giấy phép thu Nhân dân tệ tiền mặt (theo mẫu tại Phụ lục 01 văn bản này);
- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép doanh nghiệp bán hàng miễn thuế hoặc kinh doanh dịch vụ cho người nước ngoài.

³ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 25/2011/TT-NHNN về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ bộ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố sẽ xem xét và cấp giấy phép thu Nhân dân tệ tiền mặt cho doanh nghiệp theo mẫu Phụ lục 2. Trong trường hợp từ chối cấp phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản giải thích lý do.

3. Các doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép thu CNY tiền mặt từ bán hàng và làm dịch vụ phải nộp số CNY thu được vào tài khoản mở tại Ngân hàng trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày thu CNY tiền mặt (trừ số CNY được để lại tồn quỹ). Mức tồn quỹ CNY tiền mặt để sử dụng hàng ngày do doanh nghiệp và ngân hàng quản lý tài khoản thỏa thuận.

Điều 11. Thành lập bàn đại lý đổi CNY

1. Các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực du lịch, dịch vụ vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng, siêu thị, giao thông vận tải, vàng bạc, đá quý và các doanh nghiệp thường xuyên có hoạt động cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho người nước ngoài hoạt động tại khu vực biên giới hoặc khu kinh tế cửa khẩu được thành lập bàn đại lý đổi CNY cho các Ngân hàng được phép của Việt Nam hoạt động tại khu vực biên giới hoặc khu kinh tế cửa khẩu.

2. Điều kiện thành lập bàn đại lý đổi CNY, hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép đổi CNY, cấp giấy phép bổ sung và các vấn đề liên quan đến mua CNY, tỷ giá đổi CNY, xử lý khi phát hiện tiền giả... thực hiện theo các quy định tại Quy chế hoạt động của bàn đổi ngoại tệ ban hành kèm theo Quyết định số 1216/2003/QĐ-NHNN ngày 09/10/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Bàn đại lý đổi CNY chỉ thực hiện mua CNY, không thực hiện bán lại cho khách hàng. Mức tồn quỹ CNY tại bàn đại lý đổi CNY và thời hạn bán lại CNY cho ngân hàng ủy nhiệm đại lý thực hiện theo thỏa thuận giữa Bàn đại lý đổi CNY và Ngân hàng ủy nhiệm.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới quán triệt nội dung quy chế này, xin ý kiến chỉ đạo của cấp Ủy và chính quyền địa phương, tổ chức và triển khai thực hiện thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; phổ biến hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn; chủ động phối hợp cùng các cơ quan hữu quan như thương mại, tài chính, hải quan, công an, biên phòng... tổ chức triển khai tốt việc thanh toán xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung và các nội dung khác quy định tại Quy chế này.

Tổng Giám đốc (Giám đốc) các Ngân hàng được phép chỉ đạo các Chi nhánh của Ngân hàng mình tại các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc chủ

động liên hệ với các Ngân hàng thương mại phía Trung Quốc để thỏa thuận đặt quan hệ đại lý thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, VND, CNY theo Quy chế này, đáp ứng nhu cầu thanh toán trong xuất nhập khẩu qua biên giới giữa các thương nhân hai nước.

Điều 13. Chế độ thông tin báo cáo

1. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 10 tháng đầu quý sau, các doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép thu CNY tiền mặt phải gửi báo cáo về tình hình thu và sử dụng CNY tiền mặt trong quý cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý Ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh biên giới trên địa bàn nơi doanh nghiệp thu CNY tiền mặt (theo mẫu tại Phụ lục 3).

2. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 10 tháng đầu quý sau, các doanh nghiệp có Bàn đại lý đổi CNY có trách nhiệm báo cáo tình hình mua CNY cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh (thành phố) trên địa bàn (theo mẫu tại Phụ lục 4).

3. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 10 tháng đầu quý sau, các Ngân hàng hoặc chi nhánh Ngân hàng thực hiện thanh toán với Trung Quốc theo Quy chế này tổng hợp tình hình thanh toán theo các quy định trong Quy chế, báo cáo về Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh (thành phố) trên địa bàn (theo mẫu tại Phụ lục 5).

4. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 10 tháng đầu quý sau, các Ngân hàng có hoạt động xuất, nhập khẩu CNY và VND qua cửa khẩu Việt Nam - Trung Quốc phải gửi báo cáo về tình hình xuất, nhập khẩu CNY và VND cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) (theo mẫu tại Phụ lục 6).

5. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 15 tháng đầu quý sau, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh (thành phố) tổng hợp tình hình thanh toán theo các quy định trong Quy chế này, báo cáo về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) (Theo mẫu tại Phụ lục 7).

6. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 15 tháng đầu quý sau, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh (thành phố) tổng hợp tình hình cấp giấy phép thành lập bàn đại lý đổi CNY, tình hình mua CNY trên địa bàn, báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý Ngoại hối) (theo mẫu tại Phụ lục 8).

7. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh vướng mắc cần báo cáo ngay bằng văn bản cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 14. Kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh (thành phố) phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức kiểm tra, quản lý và giám sát đối với các Ngân hàng được phép và tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong việc thực hiện các quy định tại Quy chế này.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 1⁴

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày... tháng... năm...

**ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP
 THU NHÂN DÂN TỆ TIỀN MẶT**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh/thành phố....

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:

Trụ sở chính tại:

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy phép đầu tư) số:

Cơ quan cấp:..... ngày cấp:.....

Địa điểm kinh doanh thu Nhân dân tệ tiền mặt:

Điện thoại:..... Fax:

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/ thành phố xem xét và cho phép thu Nhân dân tệ tiền mặt tại địa điểm nêu trên từ hoạt động

Chúng tôi xin cam kết:

- Sử dụng Nhân dân tệ thu được vào các mục đích được pháp luật nhà nước Việt Nam cho phép và tự cân đối phần tiền này để nhập khẩu hàng hoá, thanh toán dịch vụ cho nước ngoài hay bán cho ngân hàng được phép để lấy đồng Việt Nam theo đúng các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối có liên quan.

- Không yêu cầu thực hiện chuyển đổi số Nhân dân tệ tiền mặt thu được sang ngoại tệ tự do chuyển đổi, không bán số Nhân dân tệ đó để mua ngoại tệ chuyển đổi trên thị trường tự do để nộp vào ngân hàng.

THỦ TRƯỞNG DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu)

⁴ Phụ lục này được thay thế bởi Phụ lục số 07.ĐGH ban hành kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-NHNN theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 25/ 2011/TT-NHNN về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011.

Phụ lục 2⁵

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm...

Số:.....

**GIẤY PHÉP
 THU NHÂN DÂN TỆ TIỀN MẶT**

**GIÁM ĐỐC
 NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH/THÀNH PHỐ...**

- Căn cứ Quyết định số 689/2004/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 6 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ tại khu vực biên giới và khu kinh tế cửa khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc;

- Xét hồ sơ xin cấp giấy phép thu Nhân dân tệ tiền mặt của.... (tên doanh nghiệp).....

1. Cho phép..... (tên doanh nghiệp).....,

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy phép kinh doanh (hoặc Giấy phép đầu tư) số.....

được thu Nhân dân tệ (CNY) tiền mặt từ hoạt động.....

2. (tên doanh nghiệp)..... chỉ được thu Nhân dân tệ tiền mặt theo đúng đối tượng quy định tại Điểm 1 nêu trên. Số Nhân dân tệ tiền mặt thu được sử dụng để và bán cho Ngân hàng được phép kinh doanh CNY trên địa bàn tỉnh biên giới theo các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.

3. (Đối với doanh nghiệp thu CNY tiền mặt từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài):

Khách trúng thưởng có nhu cầu mang Nhân dân tệ tiền mặt ra nước ngoài vượt mức phải khai báo Hải quan cửa khẩu, phải có giấy phép mang ngoại tệ tiền mặt do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/ thành phố..... cấp..... (tên doanh nghiệp)..... có trách nhiệm xác nhận số tiền trúng thưởng của khách để làm cơ sở cho việc cấp giấy phép mang Nhân dân tệ tiền mặt ra nước ngoài.

⁵ Phụ lục này được thay thế bởi Phụ lục số 08.ĐGH ban hành kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-NHNN theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 25/2011/TT-NHNN về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011.

4. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 10 tháng đầu quý sau,... (tên doanh nghiệp)... phải báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố.... về tình hình thu, chi Nhân dân tệ tiền mặt trong quý.

5. Giấy phép này có hiệu lực trong vòng 05 năm kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc/Giám đốc..... (tên doanh nghiệp)... chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung trong Giấy phép này và các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối của Việt Nam.

Nơi nhận:

- Tên doanh nghiệp;
- Vụ QLNH (để báo cáo);
- Lưu....

GIÁM ĐỐC

Phụ lục 3

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU VÀ SỬ DỤNG
NHÂN DÂN TỆ TIỀN MẶT

Kính gửi: NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (VỤ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI)
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH.....

- Thu:

- Chi:

- Chi nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của thương nhân Trung Quốc:
- Chi bán CNY cho Ngân hàng hoặc bàn đổi ngoại tệ:
- Chi lương, thưởng, phụ cấp cho người nước ngoài làm việc cho tổ chức:
- Chi khác: +
- +

THỦ TRƯỞNG DOANH NGHIỆP
(Ký và đóng dấu)

Phụ lục 4**Tên TCKT**

Số bản:

Nơi đặt bàn đại lý:

ĐT

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐỔI NHÂN DÂN TỆ

Quý.... Năm....

Kính gửi: NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH.....

Đơn vị: ngàn CNY

Số dư đầu quý	Doanh số mua CNY	Doanh số nhập/bán CNY cho TCTD	Số dư cuối quý

CHỦ BÀN ĐẠI LÝ

Phụ lục 5

NGÂN HÀNG.....
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THANH TOÁN VỚI TRUNG QUỐC
Quý..... năm.....

Kính gửi: **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH.....**

Đơn vị: quy USD

Số thứ tự	Hình thức thanh toán	Số tiền thanh toán (USD)	
		Xuất khẩu	Nhập khẩu
1	Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi thông qua ngân hàng hai nước theo thông lệ quốc tế		
2	Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc VND thông qua tài khoản của thương nhân Trung Quốc mở tại các ngân hàng Việt Nam		
3	Thanh toán bằng VND và CNY qua ngân hàng tỉnh biên giới		
Tổng			

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 6

NGÂN HÀNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG VIỆT NAM VÀ NHÂN DÂN TỆ QUA CỬA KHẨU VIỆT NAM - TRUNG QUỐC*Quý...../.....***Kính gửi: NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**
(VỤ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI)

Đồng tiền	Xuất khẩu		Nhập khẩu	
	Giá trị	Quy USD	Giá trị	Quy USD
VND				
CNY				
Tổng				

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

09456237

Phụ lục 8

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH ĐỔI NHÂN DÂN TỆ**

(Quý...../Năm.....)

Kính gửi: NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (VỤ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI)

I. Số lượng Bàn đại lý đổi nhân dân tệ đã được thành lập trên địa bàn:

II. Tình hình đổi Nhân dân tệ:

Đơn vị: ngàn CNY

Số dư đầu quý	Doanh số mua CNY	Doanh số nhập/bán CNY cho TCTD	Số dư cuối quý

LẬP BIỂU

KIỂM SOÁT

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số: 11/VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2014

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**

Đặng Thanh Bình